UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5708/UBND-TCĐT	*Bến Tre, ngày 09 tháng 12 năm 2011*
V/v hướng dẫn điều chỉnh dự toán theo mức lương tối thiểu mới từ 01/10/2011.	

Kính gửi:
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các chủ đầu tư xây dựng công trình.

Căn cứ Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;

Căn cứ Công văn số 1730/BXD-KTXD ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu mới từ 01 tháng 10 năm 2011 theo quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 169/SXD-KTXD ngày 05 tháng 12 năm 2011 về việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình. Uỷ ban nhân dân tỉnh hướng dẫn điều chỉnh dự toán theo mức lương tối thiểu mới từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012. Cụ thể như sau:

I. ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Điều chỉnh chi phí nhân công:

Chi phí nhân công trong dự toán chi phí xây dựng công trình lập theo bộ đơn giá xây dựng công trình ban hành kèm theo các Công văn số 4892/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 về việc công bố Đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bến Tre; số 4891/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 về việc công bố Đơn giá xây dựng công trình - Phần lắp đặt công trình trên địa bàn tỉnh Bến Tre; số 4890/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 về việc công bố Đơn giá xây dựng công trình - Phần khảo sát công trình trên địa bàn tỉnh Bến Tre; số 4894/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 về việc công bố Đơn giá vận chuyển ngang trong công trường xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bến Tre được nhân với hệ số điều chỉnh $\mathbf{K^{ĐC}NC}$ như sau:

- Các công trình trên địa bàn thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành: $\mathbf{K^{ĐC}NC = 4,4286}$.

- Các công trình trên địa bàn các huyện còn lại trên địa bàn tỉnh Bến Tre: **$K^{ĐC}NC = 4,0$**.

2. Điều chỉnh chi phí máy thi công:

- Đối với chi phí máy thi công trong dự toán chi phí xây dựng công trình lập theo Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình được công bố tại Công văn số 4893/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh thì được cộng thêm khoản chênh lệch chi phí nhân công (Q_{nc}) và chi phí nhiên liệu, năng lượng (Q_{nl}), trong đó:

$$\mathbf{Q_{nc} = \sum C_i \times NC_i \times (K^{ĐC}NC - 1)}$$

C_i: Số ca của loại máy thi công i.

NC_i: Chi phí tiền lương thợ lái máy thi công i, xác định theo Bảng giá dự toán ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình ban hành kèm theo Công văn số 4893/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

$K^{ĐC}NC$: Hệ số điều chỉnh nhân công, xác định theo Mục I.1 trên.

Q_{nl}: Được xác định theo Mục II.3 của Bảng giá dự toán ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình ban hành kèm theo Công văn số 4893/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

- Đối với chi phí máy thi công trong dự toán chi phí xây dựng công trình lập theo Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình được công bố tại Công văn số 1001/UBND-TCĐT ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh thì được cộng thêm khoản chênh lệch chi phí nhân công (Q_{nc}) và chi phí nhiên liệu, năng lượng (Q_{nl}), trong đó:

$$\mathbf{Q_{nc} = \sum C_i \times NC_i \times (K^{ĐC}NC - 1)}$$

C_i: Số ca của loại máy thi công i.

NC_i: Chi phí tiền lương thợ lái máy thi công i, xác định theo Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình Ban hành kèm theo Công văn số 1001/UBND-TCĐT ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

$K^{ĐC}NC$: Hệ số điều chỉnh nhân công, **$K^{ĐC}NC = 1,4762$** áp dụng đối với công trình trên địa bàn thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành; **$K^{ĐC}NC = 1,6867$** áp dụng đối với công trình trên địa bàn các huyện còn lại của tỉnh Bến Tre.

Q_{nl}: Được xác định theo Mục IV.3 của Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình ban hành kèm theo Công văn số 1001/UBND-TCĐT ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

3. Các khoản mục chi phí khác tính bằng tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng công trình như: Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác… tính bằng tỷ lệ (%) theo quy định.

II. ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

1. Điều chỉnh chi phí nhân công:

a) Đối với chi phí nhân công trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị lập theo Bộ đơn giá duy trì cây xanh đô thị tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Công văn số 4049/UBND-TMXDCB ngày 26 tháng 10 năm 2007; Bộ đơn giá chuyên ngành vệ sinh môi trường đô thị tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Công văn số 4050/UBND-TMXDCB ngày 26 tháng 10 năm 2007; Bộ đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Công văn số 4051/UBND-TMXDCB ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bến Tre được nhân với hệ số điều chỉnh $\mathbf{K^{ĐC}NC}$ như sau:

- Các công trình trên địa bàn thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành: $\mathbf{K^{ĐC}NC = 3,4444}$.

- Các công trình trên địa bàn các huyện còn lại trên địa bàn tỉnh Bến Tre: $\mathbf{K^{ĐC}NC = 3,1111}$.

b) Đối với chi phí nhân công trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị lập theo Bộ đơn giá duy trì cây xanh đô thị tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Công văn số 2179/UBND-TCĐT ngày 01 tháng 6 năm 2011, Bộ đơn giá chuyên ngành vệ sinh môi trường đô thị tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Công văn số 2177/UBND-TCĐT ngày 01 tháng 6 năm 2011, Bộ đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Công văn số 2178/UBND-TCĐT ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bến Tre được nhân với hệ số điều chỉnh $\mathbf{K^{ĐC}NC}$ như sau:

- Các công trình trên địa bàn thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành: $\mathbf{K^{ĐC}NC = 1,4762}$.

- Các công trình trên địa bàn các huyện còn lại trên địa bàn tỉnh Bến Tre: $\mathbf{K^{ĐC}NC = 1,6867}$.

2. Điều chỉnh chi phí máy thi công:

a) Đối với chi phí máy thi công trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị lập theo Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình được công bố tại Công văn số 4893/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh thì được cộng thêm khoản chênh lệch chi phí nhân công (Q_{nc}) và chi phí nhiên liệu, năng lượng (Q_{nl}), trong đó:

$$\mathbf{Q_{nc} = \sum C_i \times NC_i \times (K^{ĐC}NC - 1)}$$

C_i: Số ca của loại máy thi công i.

NC_i: Chi phí tiền lương thợ lái máy thi công i, xác định theo Bảng giá dự toán ca máy và thiết bị xây dựng ban hành kèm theo Công văn số 4893/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

$K^{ĐC}NC$: Hệ số điều chỉnh nhân công, **$K^{ĐC}NC$ = 4,4286** áp dụng đối với công trình trên địa bàn thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành; **$K^{ĐC}NC$ = 4,0** áp dụng đối với công trình trên địa bàn các huyện còn lại của tỉnh Bến Tre.

Q_{nl}: Được xác định theo Mục II.3 của Bảng giá dự toán ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình ban hành kèm theo Công văn số 4893/UBND-TMXDCB ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

b) Chi phí máy thi công trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị lập theo Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình được công bố tại Công văn số 1001/UBND-TCĐT ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh thì được cộng thêm khoản chênh lệch chi phí nhân công (Q_{nc}) và chi phí nhiên liệu, năng lượng (Q_{nl}), trong đó:

$$\mathbf{Q_{nc} = \sum C_i \text{ x } NC_i \text{ x } (K^{ĐC}NC - 1)}$$

C_i: Số ca của loại máy thi công i.

NC_i: Chi phí tiền lương thợ lái máy thi công i, xác định theo Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình ban hành kèm theo Công văn số 1001/UBND-TCĐT ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

$K^{ĐC}NC$: Hệ số điều chỉnh nhân công, xác định theo Mục II.1.b trên.

Q_{nl}: Được xác định theo Mục IV.3 của Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình ban hành kèm theo Công văn số 1001/UBND-TCĐT ngày 17/03/2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

3. Chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức được tính bằng tỷ lệ (%) theo quy định.

III. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thì việc điều chỉnh dự toán công trình do chủ đầu tư thực hiện nhưng không được vượt tổng mức đầu tư phê duyệt.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định trước ngày Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình có hiệu lực thi hành, chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh dự toán xây dựng trên cơ sở điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công (phần nhân công) theo mức lương tối thiểu mới đối với những khối lượng còn lại của dự án, gói thầu thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2011. Nếu dự toán công trình điều chỉnh làm vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

3. Công văn này thay cho Công văn số 1446/UBND-TCĐT ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn điều chỉnh dự toán theo mức lương tối thiểu mới từ 01 tháng 01 năm 2011 để áp dụng điều chỉnh dự toán xây dựng

công trình có khối lượng thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Việc điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, giá thanh toán khối lượng thực hiện hoàn thành thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên và quy định của Nhà nước có liên quan./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng